TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2023/DSST
Ngày 24 tháng 02 năm 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lương Thị Phương**

2. Bà **Bùi Thị Hạnh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình:

Bà **Hoàng Thu Trang**– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2022/TB-TLVA ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐST - DS ngày 09 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-HPT ngày 06 tháng 02 năm 2022 giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng** (VPBank). Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị VPBank. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn Anh- Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý, theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020 của ông Ngô Chí Dũng. Địa chỉ liên hệ: Tầng 7 Tòa nhà Việt Hải số 78 Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Ông Phạm Tuấn Anh ủy quyền lại cho ông Cao Duy Thịnh, ông Nguyễn Văn Nam và bà Lê Thị Thắm theo Văn bản ủy quyền số 1058/2022/UQ-LCC-KHCNMB2 ngày 30/9/2022. Ông Thịnh có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn:

- Ông Mai Xuân D, Sinh năm 1974. CMND số: 001074002637 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/10/2014. Đăng ký HKTT tại: tập thể

Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Ngọc Hà, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Ông D vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Nguyễn Thị Hồng V, Sinh năm 1968. CMND số: 011286047 do Công an Hà Nội cấp ngày 01/06/2006. Đăng ký HKTT tại: tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Bà V vắng mặt vắng mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Mai Nhật M, Sinh năm 2000. Đăng ký HKTT tại: tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.*** **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (gọi tắt là VPBank)** ***do người đại diện theo ủy quyền ông Cao Duy Thịnh trình bầy***:

Ngày 10/02/2015, Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – chi nhánh Kinh Đô – Phòng Giao dịch Thanh Xuân có hợp đồng tín dụng số 2856972 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 2856972 với nội dung như sau: Số tiền 500.000.000 đồng; thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày 12/02/2015 đến 12/02/2025; Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 8,99%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01/, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày ..../02/2016, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/4/2016 mức điều chỉnh bằng: Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5%/năm. Ngày giải ngân là ngày 12/02/2015 theo Khế ước nhận nợ lần 1/ số 2856972 ngày 12/02/2015.

Ngoài ra, Bà Nguyễn Thị Hồng V có ký Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – chi nhánh Kinh Đô – Phòng Giao dịch Thanh Xuân:

- Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 04/05/2016 với số tiền vay tiêu dùng tối đa là 54.000.000 đồng; Thời hạn vay tối đa 48 tháng; Lãi suất: 20%/năm;

- Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/09/2015 với hạn mức đề nghị vay là 39.000.000 đồng

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn. Dư nợ tạm tính đến ngày 24/10/2023 là 1.326.020.393 đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2856972 ngày 10/02/2015 là: 857.615.413 đồng trong đó: Nợ gốc 412.493.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 12.079.367 đồng; Nợ lãi quá hạn: 433.043.046 đồng.

- Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 04/05/2016 là: 146.038.149 đồng, trong đó: Nợ gốc: 50.186.832 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 790.934 đồng; Nợ lãi quá hạn: 95.060.383 đồng.

- Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/09/2015 là: 322.366.831 đồng, trong đó: Nợ gốc: 38.038.924 đồng; Nợ lãi quá hạn: 284.327.907 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Toàn bộ căn hộ chung cư Tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 179255, Số vào sổ cấp GCN: CH 001615/156 /2015/UBND do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 26/01/2015 đứng tên Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V. Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng: 716/2015, quyển số 01-2015 ngày 10/02/2015 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô.

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả trên nợ gốc là 216.509.360 đồng.

Nay, nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và lãi phạt tạm tính đến ngày 24/02/2023 là 857.615.413 đồng trong đó: Nợ gốc 412.493.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 12.079.367 đồng; Nợ lãi quá hạn: 433.043.046 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2856972 ngày 10/02/2015.

- Buộc Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận lãi phát sinh kể từ ngày 25/02/2023 đến khi thanh toán xong khoản nợ cho VPBank.

- Buộc Bà Nguyễn Thị Hồng V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và lãi phạt tạm tính đến ngày 24/02/2023 là: 468.404.980 đồng, trong đó: Nợ gốc: 88.225.756 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 790.934 đồng; Nợ lãi quá hạn: 379.388.290 đồng theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 04/05/2016; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/09/2015.

- Buộc Bà Nguyễn Thị Hồng V phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận lãi phát sinh kể từ ngày 25/02/2023 đến khi thanh toán xong khoản nợ cho VPBank.

Trường hợp Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho VPBank, cụ thể như sau: Toàn bộ căn hộ chung cư Tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 179255, Số vào sổ cấp GCN: CH 001615/156 /2015/UBND do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 26/01/2015 đứng tên Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nói trên vẫn không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho VPBank thì Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V vẫn tiếp tục phải trả nợ cho VPBank cho đến khi tất toán khoản vay.

Về án phí dân sự: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Mai Nhật M. Tuy nhiên, Ông Mai Xuân D, Bà Nguyễn Thị Hồng V, Anh Mai Nhật M vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải cho các đương sự được, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm***:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48 BLTTDS, cụ thể:

- Về thẩm quyền: Theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 1/2P28, nhà B4 tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Và Ông D có nơi cư trú: Số 18A ngách 169 ngõ 158 Ngọc Hà, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Như vậy, việc Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của BLTTDS sửa đổi về phiên tòa sơ thẩm :

+ Chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định của BLTTDS.

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 BLTTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 BLTTDS.

Bị đơn đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 73 BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VPBank;

- Buộc Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và lãi phạt tạm tính đến ngày 24/02/2023 là 857.615.413 đồng trong đó: Nợ gốc 412.493.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 12.079.367 đồng; Nợ lãi quá hạn: 433.043.046 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2856972 ngày 10/02/2015.

- Buộc Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận lãi phát sinh kể từ ngày 25/02/2023 đến khi thanh toán xong khoản nợ cho VPBank.

- Buộc Bà Nguyễn Thị Hồng V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và lãi phạt tạm tính đến ngày 24/02/2023 là: 468.404.980 đồng trong đó: Nợ gốc: 88.225.756 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 790.934 đồng; Nợ lãi quá hạn: 379.388.290 đồng theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn

ngày 04/05/2016; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/09/2015.

- Buộc Bà Nguyễn Thị Hồng V phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận lãi phát sinh kể từ ngày 25/02/2023 đến khi thanh toán xong khoản nợ cho VPBank.

- Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 716/2015; quyển số 01-2015 ngày 10 tháng 02 năm 2015 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô là hợp pháp. Chấp nhận yêu cầu của VPBank trong trường hợp Ông D, Bà V không thanh toán được khoản nợ trên thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn: Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2856972 ngày 10/02/2015 được ký giữa VPBank và Ông Mai Xuân D, Bà Nguyễn Thị Hồng V, mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình và Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 04/05/2016; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/09/2015 được ký giữa VPBank và Bà Nguyễn Thị Hồng V, mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân. Do vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 1/2P28, nhà B4 tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Và Ông D có nơi cư trú: Số 18A ngách 169 ngõ 158 Ngọc Hà, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Khi đến hạn trả nợ Ông D, Bà V không thanh toán được khoản nợ cho VPBank nên VPBank đã khởi kiện Ông D, Bà V đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Ông D, Bà V phải thanh toán trả VPBank toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 425 Bộ luật dân sự 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Trong vụ án này: Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp; giao dịch dân sự giữa các đương sự được thực hiện trước khi Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, vì vậy vụ án được áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết đúng với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng số 2856972 ngày 10/02/2015 và Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 716/2015; quyển số 01-2015 ngày 10/02/2015 ký giữa Ông D, Bà V và VPBank. Ngân hàng VPBank đã giải ngân cho Ông D, Bà V tổng số tiền là: 500.000.000 đồng thông qua Khế ước nhận nợ lần 1 số 2856972. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng Ông D, Bà V đã thanh toán trả cho VPBank tổng cộng 180.563.747 đồng, trong đó: nợ gốc: 91.320.168 đồng; nợ lãi: 89.243.579. Tại phiên tòa hôm nay, VPBank xác nhận Ông D, Bà V còn nợ VPBank tổng số tiền là: 857.615.413 đồng trong đó: Nợ gốc 412.493.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 12.079.367 đồng; Nợ lãi quá hạn: 433.043.046 đồng tạm tính đến ngày 24/02/2023.

Căn cứ vào các Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 04/05/2016; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/09/2015 ký giữa Bà V và VPBank. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, Bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay, VPBank xác nhận Bà V còn nợ VPBank tổng số tiền là: 468.404.980 đồng, trong đó: Nợ gốc: 88.225.756 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 790.934 đồng; Nợ lãi quá hạn: 379.388.290 đồng tạm tính đến ngày 24/02/2023.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng tín dụng số 2856972 ngày 10/02/2015 ; Khế ước nhận nợ lần 1 số 2856972; Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 04/05/2016; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/09/2015 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự. Do đó, xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Ông D, Bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 21/02/2016 nên theo Điều 6 của Hợp đồng tín dụng đã ký thì khoản nợ của Ông D, Bà V chuyển thành nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện buộc Ông D, Bà V phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 24/02/2023 là: 857.615.413 đồng trong đó: Nợ gốc 412.493.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 12.079.367 đồng; Nợ lãi quá hạn: 433.043.046 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2856972 ngày 10/02/2015.

Buộc Bà Nguyễn Thị Hồng V phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 24/02/2023 là: 468.404.980 đồng trong đó: Nợ gốc: 88.225.756 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 790.934 đồng; Nợ lãi quá hạn: 379.388.290 đồng theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 04/05/2016; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/09/2015.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn và cách tính lãi trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là đúng pháp luật và phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận. Do đó, việc VPBank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông D, Bà V phải thanh toán trả VPBank số tiền nợ trên là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả trên nợ gốc của VPBank là 216.509.360 đồng là không trái với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của VPBank:

Hội đồng xét xử thấy: Tại Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 716/2015; quyển số 01-2015 ngày 10/02/2015 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô. Ông D, Bà V đã đồng ý thế chấp tài sản của mình là: Toàn bộ Căn hộ chung cư thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp tại căn hộ: P28B nhà B4 tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số BX 179255, Số vào sổ cấp GCN: CH 001615/156 /2015/UBND do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 26/01/2015 đứng tên Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V thế chấp cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng bảo đảm cho khoản vay của Ông D, Bà V cụ thể:

Căn cứ Điều 2 của Hợp đồng thế chấp quy định:

"1. Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý Tài sản thế chấp (chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án...) và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác - của Bên thế chấp đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước

nhận nợ và các văn bản liên quan của các Hợp đồng, văn bản đó (sau đây gọi chung là "Văn kiện tín dụng") ký giữa Bên Ngân hàng và Bên thế chấp trong khoảng thời gian kể từ ngày 10/02/2015 đến 10/02/2020).

2. Trong khoảng thời gian nêu trên, Bên thế chấp có thể vay vốn, mở L/C, nhận bảo lãnh và/hoặc nhận các hình thức cấp tín dụng khác từ Bên Ngân hàng làm nhiều lần, theo một hoặc nhiều Hợp đồng, Văn kiện tín dụng khác nhau và Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này bảo đảm cho tất cả các nghĩa vụ của Bên thế chấp phát sinh từ tất cả các Hợp đồng, Văn kiện tín dụng đó.

3. Việc thế chấp tài sản nêu trên có hiệu lực cho đến khi Bên thế chấp thực tế thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ phát sinh theo các Hợp đồng, Văn bản tín dụng nêu trên và Bên Ngân hàng đã thực hiện các thủ tục giải chấp tài sản. Các Bên đồng ý rằng, Bên Ngân hàng trong Hợp đồng này được hiểu là Hội sở chính, Sở giao dịch, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Kinh Đô, hay bất kỳ Chi nhánh, Phòng Giao dịch nào của Bên Ngân hàng".

Như vậy, nội dung của Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên được các bên ký kết tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội và được công chứng viên công chứng. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và đã được Ông D, Bà V đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản thế chấp ngày 10/02/2015 và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ba Đình xác nhận ngày 11/02/2015. Việc bà Ông D, Bà V ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Vì vậy, việc Ông D, Bà V dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của ông bà theo Điều 2 của Hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lí.

Vì vậy, yêu cầu của VPBank đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật mà Ông D, Bà V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí sơ thẩm:

VPBank không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều 342, 343, 715, 716, 718, 719, 720, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 127 Luật Đất đai 2003; Căn cứ khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm". Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

- Buộc Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và lãi phạt tạm tính đến ngày 24/02/2023 là **857.615.413** *(Tám trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, bốn trăm mười ba)* đồng trong đó: Nợ gốc **412.493.000** *(Bốn trăm mười hai triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn)* đồng; Nợ lãi trong hạn: **12.079.367 (***Mười hai triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi bảy)* đồng; Nợ lãi quá hạn: **433.043.046** *(Bốn trăm ba mươi ba triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi sáu)* đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2856972 ngày 10/02/2015.

- Buộc Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận lãi phát sinh kể từ ngày 25/02/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 2856972 ngày 10/02/2015 đến khi thanh toán xong khoản nợ cho VPBank.

- Buộc Bà Nguyễn Thị Hồng V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và lãi phạt tạm tính đến ngày 24/02/2023 là: **468.404.980** *(Bốn trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm linh tư nghìn, chín trăm tám mươi)* đồng trong đó: Nợ gốc: **88.225.756** *(Tám mươi tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi sáu)* đồng; Nợ lãi trong hạn là: **790.934** *(Bảy trăm chín mươi nghìn, chín trăm ba mươi tư)* đồng; Nợ lãi quá hạn: **379.388.290** *(Ba trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm*

chín mươi) đồng theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 04/05/2016; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/09/2015.

- Buộc Bà Nguyễn Thị Hồng V phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận lãi phát sinh kể từ ngày 25/02/2023 theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 04/05/2016; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/09/2015 đến khi thanh toán xong khoản nợ cho VPBank.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền gốc và tiền lãi nói trên cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là Toàn bộ Căn hộ chung cư thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp tại căn hộ: P28B nhà B4 tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số BX 179255, Số vào sổ cấp GCN: CH 001615/156 /2015/UBND do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 26/01/2015 đứng tên Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V đã thế chấp cho VPBank theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 716/2015; quyển số 01-2015 ngày 10/02/2015 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ nợ trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu có dư nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục phải trả cho ngân hàng số tiền còn thiếu.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả trên nợ gốc là **216.509.360** *(Hai trăm mười sáu triệu, năm trăm linh chín nghìn, ba trăm sáu mươi)* đồng do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

3. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này giữa các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu **37.728.462** *(Ba mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi hai)* đồng án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

- Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu **22.736.199** *(Hai mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm chín mươi chín)* đồng án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp **27.500.000** *(Hai mươi bảy triệu,*

năm trăm triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0002541 ngày 19 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Ông Mai Xuân D và Bà Nguyễn Thị Hồng V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng; Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 04/05/2016; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/09/2015 đã ký.

Trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung